



HỘI GIA ĐÌNH TÙ NHÂN CHÍNH TRỊ VIỆT NAM
FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION

P.O. BOX 5435, ARLINGTON, VA 22205-0635
TELEPHONE:

POLITICAL PRISONER REGISTRATION FORM
(Two Copies)

IV # _____

VEWL.# _____

I-171 : Yes, No

EXIT VISA: Yes No

The purpose of this form is to identify persons who are or were formerly interned in re-education camps in Vietnam, so that eligibility for U.S. admission via the Orderly Departure Program can be established.

1. APPLICANT IN VIETNAM NGUYEN ĐÌNH QUY
Last Middle First

Current Address 224/5 Phan Đình Phùng Biên Hòa - Đồng Nai

Date of Birth 02/16/1949 Place of Birth NINH BÌNH

Previous Occupation (before 1975) Lieutenant 5y
(Rank & Position)

2. TIME SPENT IN RE-EDUCATION CAMP Dates : From 1975 To Feb. 14 - 1980

3. SPONSOR'S NAME: PHAM BA KHOAT
Name

Address & Telephone _____

4. NAMES OF RELATIVES/ACQUAINTANCES IN THE U.S.

<u>Name, Address & Telephone</u>	<u>Relationship</u>
_____	_____
_____	_____
_____	_____

If you are eligible to file for the applicant under Category I of the ODP criteria and have not filed an Affidavit of Relationship (AOR), you are encouraged to do so. Also, persons in the U.S. who are eligible to petition for relatives in Vietnam on INS Form I-130 must do so.

Date Prepared: _____

5. NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA) : NGUYEN DINH QUY
(Listed on page 1)

NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES	DATE OF BIRTH	RELATIONSHIP TO PA.
NGUYEN THI BACH TUYET	12/20/1948	wife
NGUYEN DINH TUYET VAN	01/29/1975	Daughter
NGUYEN QUY ANH	01/21/1987	Son

DEPENDENT'S ADDRESS :(if different from above)

6. ADDITIONAL INFORMATION :

QUESTIONNAIRE FOR ODP APPLICANTS
CÂU HỎI CHO NGƯỜI NỘ ĐƠN

ODP IV 0

Date: **JULY 31st 1988**
Ngày: **JULY 31st 1988**

Fill out this questionnaire in English as completely as possible. If you cannot read or write in English, fill it out in Vietnamese.

Xin điền vào số câu hỏi sau đây bằng tiếng Anh càng chi tiết càng tốt. Nếu bạn không đọc hoặc viết rành Anh-ngữ thì bằng tiếng Việt.

Mail or send the completed questionnaire to:

Gửi số câu hỏi này tới:
427 Panjabum Building
131 Soi Tien Siang
Sathorn Tai Road
Bangkok Thailand
10120

A. Basic Identification Data/Lý lịch căn-bản

1. Name
Họ, tên : **NGUYỄN ĐÌNH - QUÝ** Sex: **MALE**
Phái
2. Other Names
Họ, tên khác : **NONE**
3. Date/Place of Birth
Ngày/Nơi Sinh : **ON Feb. 16th 1949, NINH BÌNH**
4. Permanent Address
Địa-chỉ thường-trú : **224/5 PHAN ĐÌNH PHÙNG STREET, BIÊN HÒA CITY
ĐỒNG NAI PROVINCE**
5. Mailing Address
Địa-chỉ thư-tủ : **AS ABOVE**
6. Current Occupation
Nghề-nghiệp hiện tại : **FARMER**

B. Relatives To Accompany Me/Bà con cũng đi với tôi

(NOTE: Your spouse and unmarried children are the only relatives eligible to accompany you. Give marital status (MS) as follows: Married (M), Divorced (D), Widowed (W), or Single (S).)
(Chú ý: Vợ/chồng và con cái có thể cũng đi với bạn mà thôi. Kể khai tình trạng gia-đình như sau: Đã lập gia đình (M), đã ly dị (D), góa phụ/góa thê (W), hoặc độc thân (S))

Name Họ, Tên	Date of Birth Ngày/Tháng/Năm sinh	Place of Birth Nơi sinh	Sex Phái	MS Tình trạng gia đình	Relationship Liên-hệ gia-đình
1. NGUYỄN THỊ BẠCH TUYẾT	DEC 20 th 1948	NINH BÌNH	FEMALE		WIFE
2. NGUYỄN ĐÌNH TUYẾT VÂN	Jan 29 th 1975	BIÊN HÒA	FEMALE	S	DAUGHTER
3. NGUYỄN RUY ANH	Jan 21 st 1987	HỒ CHÍ MINH CITY	MALE	S	SON
4.				(S)	
5.				(S)	
6.					
7.					
8.				(S)	
9.				(S)	
10.				(S)	
11.					
12.					

(NOTE: For the persons listed above, we will need legible copies of birth certificates, marriage certificates (if married), divorce decrees (if divorced), spouse's death certificate (if widowed), identification cards (if available), and photos. If any of the above accompanying relatives do not live with you, please note their addresses in Section I below.)

(CHÚ Ý: Cho mỗi người có tên trên danh sách trên, chúng tôi cần một bản khai-sinh, giấy-chú (nếu lập gia-đình rồi), giấy ly hôn (nếu đã ly dị), giấy khai-tử của vợ/chồng (nếu góa phụ/góa thê), thẻ căn cước (nếu có), và hình. Nếu bà con sẽ cũng đi với bạn không chung-ngủ với bạn hiện tại, xin viết địa-chỉ của họ trong phần I.)

C. Relatives Outside Vietnam/Họ Hàng ở Ngoại Quốc

Of Myself/của tôi

Of My Spouse/của vợ/chồng

1. Closest Relative In the U.S.
Bà con thân thuộc nhất ở Hoa-Kỳ

a. Name

Họ, Tên

PHAM BA KHUAT

b. Relationship

Liên-hệ gia-đình

BROTHER-IN-LAW

c. Address

Địa-chỉ

D. Date of Relatives Arrival

in the U.S.

Ngày bà con đến Mỹ

ABOUT NOVEMBER 1984

2. Closest Relative in Other Foreign Countries
Bà con thân-thuộc nhất ở các nước khác

a. Name

Họ, tên

NONE

b. Relationship

Liên-hệ gia-đình

c. Address

Địa-chỉ

D. Complete Family Listing (Living/Dead)/Danh Sách Toàn-Thô Gia-Đình (Sống/Chết)

1. Father

Cha

NGUYỄN ĐÌNH NGHỆ (L)

2. Mother

Mẹ

NGUYỄN THỊ LAN (DL)

3. Spouse

Vợ/Chồng:

NGUYỄN THỊ BẠCH TUYẾT (L)

4. Former Spouse (if any)

Vợ/Chồng trước (nếu có):

None

5. Children

Con cái:

(1) NGUYỄN ĐÌNH TUYẾT VÂN (L)

(2) NGUYỄN QUÝ ANH (L)

(3)

(4)

(5)

(6)

(7)

(8)

(9)

6. Siblings

Con chị em:

(1) NGUYỄN THỊ NGHĨA

(2) NGUYỄN ĐÌNH LÊ

(3) NGUYỄN ĐÌNH THÂN

(4)

(5)

(6)

(7)

(8)

2. Employment by U.S. Government Agencies or Other U.S. Organization of You or Your Spouse/Bạn hoặc vợ/chồng đã có làm việc cho công-sở của chính-phủ Mỹ hoặc hàng Mỹ

1. Employee Name
Tên họ nhân-viên : NGUYỄN THỊ BẠCH TUYẾT (WIFE)

Position title
Chức-vụ : SECRETARY

Agency/Company/Office
Sở/Hang/Văn-Phòng : 3RD COMBAT SUPPORT GROUP, APO SAN FRANCISCO 96227 / OFFICE OF THE CATHOLIC CHAPLAIN / BIEN HOA AIR BASE

Length of Employment
Thời-gian làm việc : From: Từ 1968 To: Tới 1971

Name of American Supervisor
Tên họ giám-chỉ Mỹ: Lieut. Col. LEE W. BACKMAN / CAPT. CARB P. BAGGE

Reason for Separation
Lý do nghỉ việc : REDUCING FORCE

2. Employee Name
Tên họ nhân-viên : NGUYỄN THỊ BẠCH TUYẾT (WIFE)

Position title
Chức-vụ : SECRETARY OF TRAINING OFF.

Agency/Company/Office
Sở/Hang/Văn-Phòng : LST COMMANDO WHEEL

Length of Employment
Thời-gian làm việc : From: Từ 1971 To: Tới 1975

Name of American Supervisor
Tên họ giám-chỉ Mỹ: ROBERT C. Mc COY

Reason for Separation
Lý do nghỉ việc : WORKING TO APRIL 30th 1975

3. Employee Name
Tên họ nhân-viên : _____

Position title
Chức-vụ : _____

Agency/Company/Office
Sở/Hang/Văn-Phòng : _____

Length of Employment
Thời-gian làm việc : From: _____ To: _____

Name of American Supervisor
Tên họ giám-chỉ Mỹ: _____

Reason for Separation
Lý do nghỉ việc : _____

4. Service with GVN or RVNAF By You Or Your Spouse/Bạn hoặc Vợ/Chồng Đã Công-vụ với Chính-phủ Việt-Nam

1. Name of Person Serving
Họ tên người tham-gia: NGUYỄN ĐÌNH QUY (MYSELF)

2. Dates:
Ngày, tháng, năm : From: Từ 1969 To: Tới 1975

3. Last Rank
Cấp-bậc cuối-cùng: FIRST LIEUTENANT Serial Number: 69/601.860
Số thẻ nhân-viên:

4. Military/Office/Religious Unit
Sở/số/Đơn-Vị Binh-Chung : VIET NAM AIR FORCE / ATLC / BIEN HOA AIR BASE

5. Name of Supervisor/C.O.
Họ tên người giám-chỉ/sĩ-quan chỉ-huy : BRIGADIER TỬ VĂN BÈ, COMMANDER OF V.N. AIR TECHNOLOGY LOGISTIC COMMAND.

CAPT. MAC MILLAN, ^{MR.} DAO RAMSEY AND

7. Names of American Advisor(s): LAST D.A.O. MR. KUNIMURA CASEY AND MR. KENNEY
Họ tên cố-vấn Mỹ

8. U.S. Training Courses in Vietnam: DEPOT SUPPLY & TECHNOLOGY LOGISTICS.
Chương-Trình huấn-luyện Hoa-Kỹ MANAGEMENT IN BIEN HUA AIR BASE
tại Viet-Nam

9. U.S. Awards or Certificates

Name of award:

Phần-thưởng hoặc giấy khen:

CERTIFICATE

Date received:

Ngày nhận:

APRIL 1972

(NOTE: Please attach any copies of diplomas, awards or certificates, if available. Available? Yes ☐ No ☐)

(CHÚ-Y: Xin bạn kèm theo bất cứ văn-bằng, giấy ban-khôn, hoặc chứng-thủ nếu có. Đồng sự có không? Có ☐ Không ☐)

G. Training Outside Vietnam of You or Your Spouse/Bạn hoặc Vợ/chồng đã huấn-luyện ở ngoại quốc

1. Name of Student/Trainee:

Họ tên Sinh-viên/người được huấn-luyện: NONE

2. School and School Address:

Trường và địa-chỉ nhà trường:

3. Dates:

Ngày, tháng, năm

From

Từ:

To

Đến:

4. Description of Courses:

Mô-tả ngành học

5. Who paid for training?

Ai đã tạo chương-trình huấn-luyện?

(NOTE: Please attach copies of diplomas or orders, if available. Available? Yes ☐ No ☐)
(CHÚ-Y: Xin bạn kèm theo văn-bằng, hoặc, chỉ thị nếu có. Bạn có hay không? Có ☐ Không ☐)

H. Training of You or Your Spouse/Bạn hoặc Vợ/chồng đã huấn-luyện ở ngoại quốc

1. Name of Person in Reeducation:

Họ tên người đi học-tập cải-tạo:

NGUYỄN ĐÌNH QUÝ (MYSELF)

2. Time in Reeducation: From:

Thời gian học-tập

To:

1975

Until

Tới:

1980

3. Still in Reeducation? Yes ☐ No ☐

Vẫn còn học-tập cải-tạo? Có ☐ Không ☐

Yes

Không

NONE

(If released, we must have a copy of your release certificate.)

(Nếu được thả, chúng tôi cần một bản sao giấy ra trại.)

I. Any Additional Remarks?/Cúcc chú phụ-thuộc

PLEASE INFO ME THE RESULT OF THESE RECORDS RECEIPT.

Signature

Ký tên:

NGUYỄN ĐÌNH QUÝ

Date

Ngày:

JULY

31ST

1988

1. Please List Here All Documents Attached to This Questionnaire

Xin nêu ra tất-cả giấy-tờ kèm theo với hồ câu hỏi này

1 COPY MARRIAGE CERTIFICATE

BIRTH CERTIFICATE OF ALL FAMILY

PHOTO

PHOTOCOPY OF RELEASED CERTIFICATE

BỘ QUỐC PHÒNG
Cục Quân Pháp
SƯ ĐOÀN 3

Số: 258/QH-2

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY RA TRẠI

Căn cứ chỉ thị số 316/TTg ngày 22-08-1977 của Thủ tướng Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam về chính sách đối với binh sĩ, nhân viên các cơ quan chính quyền của chế độ cũ và đảng phái phản động hiện đang bị tập trung cải tạo.

Căn cứ thông tư Liên Bộ Quốc phòng - Nội vụ số 07TT/LB ngày 29-12-1977 về việc thực hiện chỉ thị số 316/TTg ngày 22-08-1977 của Thủ tướng Chính phủ.

Thi hành quyết định số 19 - QĐ ngày 31/01/1980 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ.

CẤP GIẤY RA TRẠI

- Họ và tên: NGUYỄN ĐÌNH QUÝ
Ngày, tháng, năm sinh: 1949
Quê quán: Mình Bình
Trú quán: 224/5 Phan đình Phùng, Biên Hòa, Đồng Nai.
Nơi cho về: địa chỉ trên
Số lính, cấp bậc, chức vụ trong bộ máy chính quyền, quân sự và các tổ chức chính trị phản động của chế độ cũ: 69/601.860 - Trung úy
Trưởng ban quản trị quân dụng yểm trợ.
- Nơi về, phải tuân theo trình tự giấy này với Ủy Ban Nhân dân và công an xã, Phường: _____ thuộc Huyện, Quận: Biên hòa Tỉnh, Thành phố: Đồng nai.
và phải tuân theo các quy định của Ủy Ban Nhân dân Tỉnh, Thành phố về việc quản chế, về nơi cư trú và các mặt quản lý khác:
- Thời hạn quản chế: Mười hai tháng
- Thời hạn đi đường: Hai ngày (kể từ ngày ký giấy ra trại).
- Tiền và lương thực đi đường đã cấp: (Có phiếu cấp phát kèm theo)

Đã: 348.pTD

Chứng thất Anh Nguyễn Đình Quý
Có đến Ủy Ban phường Minh Hiền
ra trại ngày: 20.02.80.

Ngày: 20.02.80.
T.M. ai BND phường T-D.

Bm



TRÍCH-LỤC VĂN KIỆN THẺ-VÌ HỘ-TỊCH LƯU TRỮ TẠI PHÒNG LỤC SỰ

(1) Ngày 13.10.1960

Giấy thẻ-vì khai sanh

cho Nguyễn thị bạch Tuyết

(1) Số: 5035

TÒA Sơ-Thẩm Biên-Hòa

Dg6

Một bản chánh giấy thẻ-vì khai sanh

cấp cho Nguyễn thị bạch Tuyết

do Ông Diệp quan Hồng Chánh-Án Tòa Biên-Hòa

với tư-cách Thẩm-Phán Hòa-Giải, cấp ngày 13.10.1960

và đã trước-bạ;

TRÍCH RA NHƯ SAU ĐÂY:

Những nhân chứng nầy, sau khi nghe đọc điều 16 của Nghị-Định ngày 17 - 11 - 1947 của Thủ - Tướng Chánh - Phủ Lâm - Thời Nam - Phần Việt - Nam và điều 363 và kế tiếp Hình - Luật Canh - Cải sửa - đổi bởi Sắc-Lệnh ngày 31 - 12 - 1912 và sau khi tuyên thệ, quả-quyết và biết chắc rằng:

- Nguyễn thị bạch Tuyết sanh ngày hai mươi, tháng mười hai, năm một ngàn chín trăm bốn mươi tám (20.12.1948) tại làng Tự tân, tỉnh Ninh-bình là con của Nguyễn văn Tường và Lê thị Nhân . / .

TRÍCH-LỤC Y THEO BẢN CHÁNH

Biên-Hòa, ngày 09 tháng 5 năm 19 73

CHÁNH LỤC-SỰ.

Lệ-phi 15

(1) Lập lại số ngày tháng và năm trên đây mỗi khi xin trích-lưu

BL: 3283

Kiểm

Nguyễn trọng Đồng



VIỆT - NAM CỘNG - HÒA
TỐI - CAO PHÁP - VIỆN

TÒA Biên-Hòa

(1) Ngày 26.3.1964

Giấy thế-vì khai sanh

cho Nguyễn đình Quý

(1) Số: 306

TRÍCH-LỤC VĂN KIỆN THẾ-VÌ HỘ-TỊCH LƯU TRỮ TẠI PHÒNG LỤC SỰ

TÒA Sơ-Thẩm Biên-Hòa

Dg6

Một bản chánh giấy thế-vì khai sanh

cấp cho Nguyễn đình Quý

do Ông Nguyễn văn Thư Chánh-Án Tòa Biên-Hòa

với tư-cách Thẩm-Phán Hòa-Giải, cấp ngày 26.3.1964

và đã trước-bạ;

TRÍCH RA NHƯ SAU ĐÂY:

Những nhân chứng nầy, sau khi nghe đọc điều 16 của Nghị-Định ngày 17 - 11 - 1947 của Thủ - Tướng Chánh - Phủ Lâm - Thời Nam - Phần Việt-Nam và điều 363 và kế tiếp Hình-Luật Canh-Cải sửa-đổi bởi Sắc-Lệnh ngày 31 - 12 - 1912 và sau khi tuyên thệ, quả-quyết và biết chắc rằng:

- Nguyễn đình Quý sanh ngày mười sáu, tháng hai, năm một ngàn chín trăm bốn mươi chín (16.02.1949) tại làng Quảng nạp tỉnh Ninh-bình con của Nguyễn đình Nghè và Nguyễn thị Lan . / .

TRÍCH-LỤC Y THEO BẢN CHÁNH

Biên-Hòa, ngày 09 tháng 5 năm 19 73

CHÁNH LỤC-SỰ.

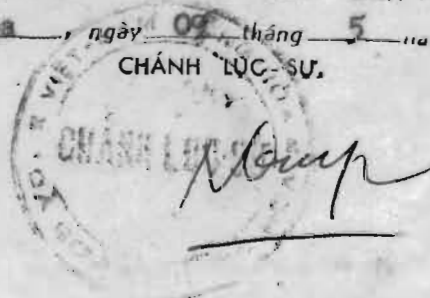
Lệ-phi 158

(1) Lập lại cả ngày, tháng và năm
trên đây mỗi khi xin trích-lục

BL: 3283

Kiểm done

Nguyễn trọng Đồng



VIỆT-NAM CỘNG-HÒA

TỈNH BIÊN HÒA

Quận Đức-Tu

Xã Bình-Trước

Số hiệu : 145

TRÍCH-LỤC CHỨNG-THƯ HÔN-THÚ

Lập ngày Bốn tháng sáu năm 1973

Tên họ chồng : Nguyễn - đình - Quý
Ngày và nơi sanh : 16-02-1949 Quảng-Nạp Ninh-Bình
Tên họ cha chồng : Nguyễn-đình-Nghê (sống, chết)
Tên họ mẹ chồng : Nguyễn-thị-Lan (sống, chết)
Tên họ vợ : Nguyễn-thị-Bạch-Tuyết
Ngày và nơi sanh : 20-12-1948 Tự-Tân Ninh-Bình
Tên họ cha vợ : Nguyễn-văn-Tường (sống, chết)
Tên họ mẹ vợ : Lê-thị-Nhàn (sống, chết)
Ngày lập hôn-thú : Bốn tháng sáu năm một ngàn chín
trăm bảy mươi ba
Có lập hôn-khế không : /

TC.VT.S5 43553NH/HC 20 ngày 3-6-1973
MIỄN THU THUỐC

Trích-lục y bản chánh
Bản Trích-lục ngày 11 tháng 6 năm 1973
Viên-chức Hộ tịch



NGUYỄN VĂN LỊCH

ỦY BAN NHÂN DÂN
Xã, Thị trấn Trung Dũng
Thị xã, Quận Biên Hòa
Thành phố, Tỉnh Đồng Nai

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM,
Độc Lập — Tự Do — Hạnh Phúc

Mẫu : HT2/P3

BẢN SAO
GIẤY KHAI SINH

Số : 32/92

Quyển số : 03

Họ và tên	<u>NGUYỄN-QUÝ-ANH</u>		Nam, nữ <u>Nam</u>
Sinh ngày tháng năm	<u>21 tháng 01 năm 1987</u>		
Nơi sinh	<u>Bệnh viện Mỹ Sơn, thành phố Hồ Chí Minh</u>		
Khai về cha mẹ	CHA	MẸ	
Họ ngày	<u>Nguyễn Đình Quý</u> <u>1949</u>	<u>Nguyễn Thị Bạch Tuyết</u> <u>1948</u>	
Dân Quốc	<u>Kinh</u> <u>Việt Nam</u>	<u>Kinh</u> <u>Việt Nam</u>	
Nghị Nơi	<u>Lâm nghiệp</u> <u>224/5 Phan Đình Phùng</u> <u>Biên Hòa</u>	<u>Bưu điện</u> <u>224/5 Phan Đình Phùng</u> <u>Biên Hòa</u>	
Họ tên tuổi, nơi ĐKNK thường trú, số giấy chứng minh hoặc CNCC của người đứng khai	<u>Nguyễn Thị Bạch Tuyết 1948</u> <u>224/5 Ichóm 6, Phường Trung Dũng, Thành Phố</u> <u>Biên Hòa</u> <u>Quê hương số 270 095 583, cấp tại Đồng Nai</u> <u>ngày 04 tháng 07/1978</u>		

NHÂN THỰC SAO Đ BẢN CHÍNH

CHỖ THỰC CHANG Đ BẢN CHÍNH

TM. UBND Đ ký tên đóng dấu
ỦY VIÊN THỦ KÝ



Đăng ký ngày 19 tháng 8 năm 1987
(Ký tên, đóng dấu, ghi rõ chức vụ)

T/M. U.S.N. Đ. PHƯỜNG TRUNG DŨNG
K/Í CHỦ TỊCH
ỦY VIÊN THỦ KÝ

(Đ / Ký)
Phạm Thị Tuyết

VIỆT-NAM CỘNG-HÒA

TỈNH BIÊN-HÒA

Quận Đức Tu

Xã Phát Triển Bình Trüớc

Số hiện : 310



TRÍCH-LỤC BỘ KHAI-SANH

Lập ngày 29 tháng 01 năm 1975

Tên họ đứa trẻ : Nguyễn Đình Tuyết Vân /
Con trai hay con gái : Nữ /
Ngày sanh : Hai mươi chín tháng Giêng dương
lịch, một ngàn chín trăm bảy mươi lăm /
Nơi sanh : Bao sanh Tỉnh Biên Hòa /
Tên họ người cha : Nguyễn Đình Quý /
Tên họ người mẹ : Nguyễn thị Bạch Tuyết /
Vợ chánh hay không có : Chánh /
hôn thú /
Tên họ người đăng khai : Nguyễn Đình Quý /

TC.VI SỐ 4362 B.V.V. 40 29 ngày 3-6-1976

MIỄN THỊ THỰC

TRÍCH-LỤC Y BẢN CHÍNH

Bình Trüớc ngày 31 tháng 01 năm 1975

VIỆN CHỨC HỘ-TỊCH



Phạm Văn Thành

Biên Hòa, ngày 01 tháng 08 năm 1988

Kính thưa Bà,

Trước hết tôi xin gửi lời kính thăm sức khỏe Bà cùng gia đình. Tôi tên là Nguyễn Đình Dũng, trước năm 1975 là Trung úy Trưởng ban quản trị Đoàn Dục thuộc Bộ Kỹ Thuật Tiếp Vận Không Quân Biên Hòa, tôi đi học tập tập trung từ năm 1975 đến tháng 2 năm 1980 mới được thả về.

Vậy vì tình trạng khó khăn về mọi phương diện, và hiện nay chứng trình ODP đang xúc tiến. Do đó hôm nay tôi xin gửi toàn bộ hồ sơ của tôi và gia đình gồm hình ảnh và giấy tờ cần thiết để kính nhờ Bà giúp giúp chuyển hồ sơ tôi về phòng Bangkok hoặc bất cứ nơi nào mà Bà biết được họ về thủ tục ODP để tôi và gia đình được rời Việt Nam đi định cư tại Hoa Kỳ hoặc một nước nào khác.

Xin chân thành cảm ơn Bà rất nhiều. Mong thư phúc tập mã Bà.

Kính thư.



Nguyễn Đình Dũng

Nhân tiện, tôi có người chị vào năm 1979 cũng có gửi một hồ sơ xin ODP gồm các giấy tờ và hình ảnh tới Thụy Sĩ, không biết hồ sơ này còn ở Swiss không, hay đã chuyển qua Bangkok. Nếu có thể được, xin kính nhờ Bà tìm giúp giúp xem hồ sơ này bây giờ nằm ở đâu. (đính kèm bốn photo đính kèm)

Xin chân thành tạ ơn Bà nhiều.

Kính.

BƯU CHÍNH
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Administration des Postes
de la R. S. du Viet-nam

(1)



BĐ. 29
(29 và 29a cũ)
C. 5

Nhật ấn Bưu cục
hoàn giấy báo
Timbre du bureau
renvoyant l'avis.

BƯU CHÍNH
Service des Postes

GIẤY BÁO

Avia de (3)

Nhận
Réception
Trả tiền
Paiement



Địa chỉ :
Adresse

Nguyễn Thị Kim Liên
253 Phan Đình Phùng
TP. Biên Hòa nước (Pays) Việt Nam

(3)

- (1) Nếu giấy báo này hoàn lại bằng máy bay thì phải ghi rõ « Hoàn lại bằng máy bay »
Si le présent avis doit être renvoyé par avion, le revêtir de la mention très apparente « Renvoi par avion »
và dán lá nhãn hoặc đóng dấu màu xanh « Par avion »
et de l'étiquette ou d'une empreinte de couleur bleue « Par avion ».
- (2) Gạch bỏ phần không thích hợp (Biffer ce qui ne convient pas)
- (3) Do người gửi ghi địa chỉ của họ để gửi hoàn giấy báo này.
A remplir par l'expéditeur, qui indiquera son adresse pour le renvoi du présent avis

Mẫu 72 - 15 x 10

Do Bureau cục gốc ghi
A remplir par le bureau
d'origine

Bưu phẩm ghi số (1)
Envoi recommandé

ký gửi tại Bureau cục

déposé au bureau de poste de

ngày

le

địa chỉ người nhận

Adresse du destinataire

10

19

số

sous le no

28/7 1979

2.12.11

16 Avenue Trémblay/Huân (Hanoi)

Chỉ & Bureau cục nhận
A remplir à destination

Người ký tên dưới đây khai rằng bưu phẩm ghi trên đây đã phát

Le sousigné déclare que l'envoi mentionné ci-dessus a été dûment livré

ngày

le

Chữ ký người nhận

Signature du destinataire (1)

Chữ ký nhân viên

Bureau cục nhận

Signature de l'agent

du bureau destinataire

Ngày nhận

Bureau cục nhận

Signature du destinataire

12-7-79-12

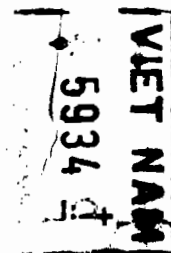
NATIONS UNIES

CHÚ : (1) Nếu phát cho người được ủy quyền, nhân viên ghi dưới chữ ký « được ủy quyền »
Nếu phát chậm ghi lý do như « Người nhận báo lần thứ 3 mới đến »

FROM: NGUYỄN ĐÌNH QUÝ
224/5 Phan Đình Phùng
Thành phố BIÊN HÒA
Tỉnh ĐỒNG NAI - VIỆT NAM

Kính gửi:
Bà : KHÚC MINH THO
P.O. Box 5435
ARLINGTON VA 2205-0635
U.S.A.

PAR AVION





NG. DINH QUÝ
FEB 16TH 1949

NG. THI BA CHU TUYẾT
DEC 20TH 1948

NG. DINH TUYẾT VÂN
JAN, 29TH 1975

NG. QUÝ ANH
JAN 21ST 1987

C O N T R O L

____ Card
____ ☒ Doc. Request; Form 5731/89 form
____ Release Order
____ Computer
____ Form "D"
____ ODP/Date _____
____ Membership; Letter